

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST.
Ngày: 11 - 9 - 2020.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST-DS ngày 17/6/2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Kiều Quốc T, sinh năm 1991. Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (mẹ của T), là người đại diện theo ủy quyền.

2. *Bị đơn:* Phạm Thị P, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà M có mặt, bà P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày: Ngày 25/12/2017, bị đơn Phạm Thị P

có hỏi vay số tiền 40.000.000đồng, với mức lãi suất 2%/tháng, nhưng đến nay chưa trả vốn và lãi mặc dù đã đòi nhiều lần. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả số tiền vay 40.000.000đồng và tiền lãi từ lúc vay đến khi giải quyết xong theo mức lãi suất Nhà nước quy định. Cụ thể, tại phiên tòa yêu cầu trả 40.000.000đồng và lãi 32 tháng 15 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng là 10.790.000đồng. Tổng cộng: 50.790.000đồng.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị P trình bày: có vay tiền của T nhiều lần, đến ngày 25/12/2017 mới viết biên nhận vay số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 5.000.000đồng/tháng, trong số tiền vay 40.000.000đồng thì có tiền lãi nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, nên thống nhất không điều chỉnh lãi số tiền đã trả trước ngày viết biên nhận và đồng ý nợ vay số tiền là 40.00.000 đồng theo biên nhận ngày 25/12/2017. Bà đã trả lãi hàng tháng của số tiền vay 40.000.000đồng cho đến tháng 01/2019 Al thì đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, nên không đóng lãi, khi về quê ăn tết vào tối ngày 27/12/2019Al trả cho T 10.000.000đồng, lúc trả thì T nói không lấy lãi nữa, nên qua yêu cầu của nguyên đơn chỉ đồng ý trả 30.000.000đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P trả số tiền vay gốc 38.256.000.000đồng và lãi suất 0,83%/tháng (theo yêu cầu của đương sự) tính từ ngày 22/01/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại huyện Tam Nông, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu đòi tiền nợ vay của nguyên đơn là có cơ sở, bởi lẽ chính bị đơn thừa nhận có hỏi vay 40.000.000đồng và viết biên nhận ngày 25/12/2017. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tại phiên tòa, bà M yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày viết biên nhận đến khi xét xử. Xét thấy, sự thay đổi này là tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận.

[3] Về tiền lãi đã trả trước ngày viết biên nhận (ngày 25/12/2017), chính bị đơn cho là không có chứng cứ chứng minh, đồng ý không điều chỉnh lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[4] Tiền lãi đã trả từ ngày 25/12/2017 đến ngày 21/01/2020 (nhằm ngày 27/12/2019A1), bị đơn cho là hàng tháng đều đóng lãi 5.000.000đồng/tháng nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh, do đó không chấp nhận lý lẽ của bị đơn về việc trả lãi.

[5] Bị đơn cho là ngày 21/01/2020 có trả 10.000.000 đồng tiền vay và không còn tính lãi nữa. Tại phiên tòa phía nguyên đơn không thừa nhận, cho là trả tiền thì cung cấp giấy tờ chứng minh, nếu có thì đồng ý cản trừ. Xét thấy bị đơn không đưa ra được giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh trả 10.000.000 đồng nhưng trong hồ sơ thể hiện có lời khai của ông Kiều Quốc T (BL19) “Hỏi: Số tiền 40.000.000đ hỏi dùm từ khi nào? Đáp: Trước thời điểm ngày 25/12/2017 mấy tháng lâu quá tôi không nhớ. Sau khi vay bà P trả được 10.000.000đ” và lời khai của bà Nguyễn Thị M (BL 24) “Trước đây bà P có trả số tiền 10.000.000đ tuy nhiên đây là tiền lãi, không phải tiền gốc”. Như vậy, với 02 lời khai này đã thể hiện bị đơn có trả cho nguyên đơn 10.000.000đồng, do đó cần chấp nhận lý lẽ mà bị đơn đưa ra là có trả 10.000.000đồng vào ngày 21/01/2020.

Còn việc bị đơn nài ra sau khi trả 10.00.000đồng thì nguyên đơn đồng ý không tính lãi nữa thì bị đơn không chứng minh được, nguyên đơn không thừa nhận, nên không chấp nhận lý lẽ này của bị đơn.

[6] Về mức lãi suất: xét thấy, theo biên nhận ngày 25/12/2017 thì không thể hiện lãi suất thỏa thuận của số tiền vay 40.000.000đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu lãi suất 2%/tháng, tại phiên hòa giải yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng, tại buổi đối chất thì cho là mức lãi suất 1%, 2% gì đó. Còn bị đơn thì cho là vay lãi suất 10 – 15%/tháng, số tiền lãi là 5.000.000đồng/tháng.

Như vậy, giữa nguyên và bị đơn khi vay có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng nay có tranh chấp thì không chứng minh được mức lãi suất cho vay, không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu. Do đó cần áp dụng Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để điều chỉnh mức lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Mạnh yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng là phù hợp, nên chấp nhận. cách tính như sau:

- Lãi suất từ 25/12/2017 – 21/01/2020 (24 tháng 26 ngày): $40.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 24 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 8.255.700đ$ (lấy tròn 8.256.000đồng).

- Ngày 21/01/2020, bà P trả 10.000.000đồng được trừ vào tiền lãi chưa trả, còn lại tiếp tục trừ vào nợ vay gốc: $40.000.000đ + 8.256.000đ - 10.000.000đ = 38.256.000đ$.

- Từ ngày 22/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm (11/9/2020): $38.256.000đ \times 0,83\%/tháng \times 7 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 2.423.766 \text{ đồng}$ (lấy tròn 2.424.000 đồng).

Do đó, nghĩ nên áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự, để chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 38.256.000đồng và lãi 2.424.000đồng.

[7] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà P có trách nhiệm trả tiền thì phải chịu án phí nhưng do là hộ cận nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí, nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bà P.

Ông T không được chấp nhận 01 phần yêu cầu, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $10.110.000đ \times 5\% = 505.500đ$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 12, 15 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc bà Phạm Thị P có trách nhiệm trả tiền nợ vay gốc 38.256.000đồng và lãi 2.424.000đồng cho ông Kiều Quốc T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Kiều Quốc T phải chịu án phí là 505.500 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.334.000đồng theo biên lai thu số BI/2019/0002600 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông T được nhận lại số tiền chênh lệch là 828.500 đồng.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Viễn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Viễn